

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
HƯỚNG NGHIỆP - DẠY NGHỀ
ĐỂ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

-----***-----

CƠ QUAN CHỦ TRÌ : BAN KHOA HỌC KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

CƠ QUAN THỰC HIỆN : SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

-----*****-----

* CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI : TRẦN NGỌC BÁU,
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - TB VÀ XH

* CÁC THÀNH VIÊN :

- NGUYỄN NGỌC SƠN
- LÊ XUÂN THÀNH
- LÊ QUANG TƯỜNG
- NGÔ HỮU HAY
- PHẠM VĂN PHÚ

* * *

*

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

18/7/1

KHO LƯU TRỮ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

15/09/15

PHẦN MỞ ĐẦU

Giáo dục học vấn và giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp vừa là mục tiêu vừa là phương tiện cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Trình độ nhận thức của người dân càng cao, sự hiểu biết càng nhiều càng có nhiều thuận lợi để thực hiện thành công một vấn đề nào đó. Một xã hội phát triển trước hết phải nói đến lực lượng sản xuất phát triển, trong đó lực lượng lao động là vấn đề trọng tâm. Lực lượng lao động phát triển thể hiện cả ở trình độ văn hóa và trình độ kỹ thuật nghề nghiệp.

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến công tác giáo dục và đào tạo, bắt đầu từ năm 1946 với chiến dịch diệt giặc đói, giặc dốt do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động. Tính đến nay cả nước có trên 15 vạn trường phổ thông cơ sở, hàng ngàn trường phổ thông trung học và 1.500 các trường đại học và trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Tính từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh không ngừng phát triển.

Tuy nhiên hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Đặc biệt là hệ thống giáo dục kỹ thuật được hình thành và phát triển theo nhu cầu của nền kinh tế và kế hoạch hóa với chỉ có 2 thành phần kinh tế là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, một nền kinh tế được coi là không có tình trạng thất nghiệp. Do vậy việc phát triển hệ thống đào tạo và dạy nghề nhằm mục tiêu chủ yếu là cung cấp lực lượng lao động kỹ thuật cho khu vực Nhà nước. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, với đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh cùng với việc hình thành thị trường sức lao động, yêu cầu lực lượng lao động có kỹ thuật, có tay nghề ngày càng phong phú đa dạng, đặc biệt trong tình trạng thiếu người thiếu việc đang diễn ra hết sức gay gắt hiện nay. Mặt khác với nền kinh tế thị trường hết sức năng động đòi hỏi người lao động không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp.

Người lao động không có nghề luôn khó khăn để tìm việc làm và cả nguy cơ thất nghiệp.

Với cơ chế thị trường, chất lượng sức lao động càng cao thì thị trường hàng hóa sức lao động càng phát triển, việc lưu thông hàng hóa sức lao động càng mạnh. Nghĩa là, việc mua bán sức lao động một cách dễ dàng, đồng thời cũng dễ dàng bị sa thải ra khỏi nơi làm việc một khi người lao động không đáp ứng được với yêu cầu kỹ thuật ngày càng phát triển của sản xuất.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để nâng cao chất lượng nguồn lao động xã hội, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội để tìm được việc làm và đảm bảo việc làm ổn định.

Đề tài Hướng nghiệp và dạy nghề để giải quyết việc làm này nhằm định hướng các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động thông qua hướng nghiệp và các hoạt động dạy nghề để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tự tìm việc làm và tự tạo việc làm trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần có tính đến điều kiện hiện có và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội đặc thù của các vùng địa lý.

Đề tài này cụ thể hóa các giải pháp được đề xuất trong đề tài DÂN SỐ Lao động và Việc làm những năm 1991-2000 do Sở Lao động - Thương binh Xã hội thực hiện trong năm 1991.

Do vậy, trong đề tài này, các giải pháp, kiến nghị về cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội quy mô phát triển dân cư, có liên quan đến sự nghiệp hướng nghiệp, dạy nghề được nêu hết sức vắn tắt để tập trung hơn cho nội dung nghiên cứu trên.

Ngoài các kết quả nghiên cứu của đề tài Dân số, lao động và việc làm những năm 1991-2000 trên, các căn cứ để xây dựng đề tài này bao gồm:

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần V
- Kết quả điều tra xã hội học 6.000 đối tượng từ 16-35 tuổi ở 2 phường của thành phố Đà Lạt, 1 thị trấn và 3 xã của 3 huyện trong tỉnh.
- Kết quả thăm dò 300 học sinh PTH về định hướng nghề nghiệp.
- Kết quả điều tra dân số ngày 1-4-1989 tỉnh Lâm Đồng.
- Kết quả khảo sát các cơ sở hướng nghiệp và dạy nghề trong tỉnh.
- Thống kê tình hình chất lượng lao động tại một số doanh nghiệp Nhà nước.
- Các báo cáo của các ngành liên quan.

*

* *

Ban chủ nhiệm đề tài, trong quá trình hoàn thành đã được sự giúp đỡ quý báu của lãnh đạo Sở Lao động Thương binh Xã hội, các đồng chí có trách nhiệm thuộc ngành Giáo dục, các Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và của Ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh về phương pháp nội dung nghiên cứu, các thông tin có liên quan và các vấn đề cụ thể khác. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí.

PHẦN THỨ NHẤT

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP DẠY NGHỀ LÀ MỘT TIỀN ĐỀ ĐỂ
GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM.

1/ Thực trạng chất lượng nguồn lao động xã hội

Biểu số 1

Chỉ tiêu	Tổng số LĐ đang làm việc	Trong đó: LĐ kỹ thuật				Tỷ lê %
		Tổng số	Chia ra			
			CNKT	CĐDH & trên DH	Trung học	
Tổng số:	288.851	30656	12815	6.580	11104	10,6
Chia theo ngành KT						
1. Khu vực SXVC	268.465	14572	7660	1.804	5108	5,4
2. Khu vực SXVC	20.386	16084	6312	4.776	5996	8,0
Chia theo T.phần Kt						
1. Quốc doanh	45.360	20747	5773	5.784	9089	45,0
2. Tập thể, cá thể tư nhân	243.491	9909	7042	796	2015	4,0

(Tài liệu điều tra dân số ngày 1-4-1989)

Từ tình hình trên cho thấy chất lượng nguồn lao động của tỉnh còn thấp lại được phân bố không đều. Phần lớn lại tập trung ở khu vực Nhà nước. Lực lượng lao động kỹ thuật khu vực sản xuất vật chất chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ có 7,1% so với lao động đang làm việc trong khu vực này, trong đó số làm công tác quản lý và nghiên cứu chiếm tới 50%, số tham gia trực tiếp sản xuất không đáng kể. Mặt khác cơ cấu lực lượng lao động kỹ thuật lại không hợp lý, lao động chuyên môn nghiệp vụ là một nhưng công nhân kỹ thuật chỉ có 0,7%

- Xét về trình độ lành nghề của người lao động: Vì điều kiện không có khả năng để điều tra xem xét được tất cả các đối tượng, nên chỉ xem xét một số ngành thuộc khu vực quốc doanh là nơi từ trước đến nay được coi là thường xuyên đào tạo bồi dưỡng để nâng cao trình độ lành nghề cho người lao động thì phải nói trình độ lành nghề của người lao động thể hiện ở một số nghề qua biểu số 2 dưới đây còn rất thấp.

Biểu số 2

Ngành nghề	Tổng số công nhân	chia ra							
		B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	Cấp bậc b/q
1. Chế Biến thực phẩm	773	185	164	205	120	89	10		2,7
2. Sửa chữa cơ khí	45		30	10	6	3	2		3,1
3. Kỹ thuật in	33	14	9	2	8				2,1
4. Chế Biến giấy	59	30	3	10	6	4			1,9
5. Chế biến lâm sản	305	243	42	17	21				1,5
6. Xây dựng cơ bản	53	12	12	13	11	5			2,7
7. Trồng trọt	2757	372	656	994	593	142	1		2,8

Đây là chưa kể đến sau khi chuyển đổi cơ chế kinh tế, các xí nghiệp quốc doanh thực hiện sắp xếp lao động, 3 năm qua đã đưa ra khỏi xí nghiệp gần 7.000 người, phần lớn là những người có trình độ tay nghề thấp, chủ yếu là bậc 1, bậc 2 và số người có năng lực trình độ yếu không đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ của cơ chế mới đặt ra.

Tuy vậy, qua so sánh kết quả điều tra năm 1979 và 1989, chất lượng nguồn lao động được nâng lên về các mặt, trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ. Số người có trình độ cao đẳng, đại học tăng nhanh từ 1,52% (năm 1979) lên đến 4,43% (năm 1989) so với dân số.

Năm 1989, số người từ 15 tuổi trở lên ở tỉnh có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm 8,8% tổng dân số (xấp xỉ tỷ lệ của toàn quốc là 8,9%) trong đó độ tuổi 25-44 có đến 13-15% số người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Từ độ tuổi 45 trở lên, tỷ lệ này giảm đi rõ rệt, chỉ còn dưới 3%. Điều này chứng tỏ những cố gắng đa dạng hóa công tác đào tạo nghề nghiệp trong nhiều năm qua.

Song bên cạnh đó, vẫn còn sự khác biệt khá lớn về trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ giữa nam và nữ, giữa thành thị và nông thôn.

2. Về lao động chưa có việc làm:

Theo điều tra ngày 1-4-1989

Độ tuổi	Tổng số người trong độ tuổi	Số người chưa có việc làm	
		Tổng số	Tỷ lệ %
16 - 19	58.043	5.349	9,2
20 - 24	67.056	3.475	5,2
25 - 29	60.354	1.392	2,3
30 - 34	47.435	705	1,5
35 - 39	30.301	311	1,0
40 - 59	70.272	304	0,4
Cộng	333.461	11.536	3,5

Theo điều tra tháng 8-1992

Độ tuổi	Số người chưa có việc làm	Chia theo đối tượng					
		CNVVC thời việc	HSPT ra trường	HSCN ra trường	Bộ đội xuất ngũ	Đi HTLD về nước	Tình trạng khác(*)
16 - 19	165	-	99	1	-	1	64
20 - 24	217	6	132	5	4	1	69
25 - 29	142	21	61	1	6	2	53
30 - 35	92	26	24	3	6	-	33
Cộng	616	53	316	10	16	4	219
Tỷ lệ %	100	8,6	51,1	1,6	2,6	0,6	35,

(*) Tình trạng khác bao gồm không đi học đến tuổi lao động thay đổi chỗ làm, nơi ở đang chờ việc.

Như vậy, số người chưa có việc làm tập trung ở độ tuổi trẻ 16-29 (88,6% tổng số người chưa có việc làm) và giảm dần ở các độ tuổi cao hơn.

Lực lượng này phần lớn là học sinh ra trường trong những năm qua và các em không đi học đến tuổi lao động, là

độ tuổi thuận lợi về thời gian, khả năng tiếp thu để theo học một nghề kiếm sống. Đối tượng này lại tập trung ở thành thị (theo điều tra ngày 1-4-1989, có 14,14% dân số ở tuổi 15-24 chưa có việc làm, trong khi ở nông thôn là 3,33%) nên có những thuận lợi nhất định về địa bàn đối với các cơ sở hướng nghiệp dạy nghề hiện có.

3/ Về các nguồn việc làm hiện nay:

Nguồn việc làm và nghề nghiệp của dân cư phần lớn phụ thuộc vào các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Là một tỉnh nông nghiệp, hàng năm nông nghiệp giải quyết từ 50-60% chỗ làm việc cho số lao động tăng lên. Đến nay, nông nghiệp là việc làm chính của 77,3% dân số. Các ngành nghề phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng lao động thấp: Công nghiệp 7,0%, thương nghiệp dịch vụ 5,4%...

Tuy vậy, do nhịp độ lao động tăng lên hàng năm quá cao - 6,1%, có 66% dân số và 63% lao động sống ở vùng nông thôn nên nhịp độ phát triển nông nghiệp và các ngành nghề phụ ở nông thôn không tương ứng để thu hút hết số lao động tăng thêm hàng năm và đã xuất hiện tình trạng chưa có việc làm (điều tra ngày 1-4-1989 có 1,5% lao động nông thôn chưa có việc làm) bên cạnh hiện tượng thiếu việc làm, thu nhập thấp. Một yêu cầu bức thiết ở nông thôn là phát triển những ngành nghề phi nông nghiệp để giải quyết việc làm cho người lao động.

Ở thành phố Đà Lạt và các thị trấn, bên cạnh các nguồn việc làm phi nông nghiệp truyền thống đặc thù, đã xuất hiện những nguồn việc làm mới đòi hỏi trình độ tay nghề nhất định của người lao động. Qua xem xét một số đơn vị có nhu cầu lao động lớn, thì phần lớn số lao động được nhận vào làm đều có trình độ tay nghề:

- Công ty TNHH Hoàng Hoa, 300 lao động có nghề đan thêu.
- Công ty DRI: 250 lao động biết tiếng Anh (bằng A, B).
- Xí nghiệp dệt lụa Bảo Lộc: 150 lao động có nghề dệt.

4/ Một số kết luận:

4.1- Còn có một khoảng cách giữa chất lượng nguồn lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giữa khả năng nghề nghiệp của người lao động và yêu cầu của chỗ làm việc. Người lao động có được một nghề là có nhiều cơ hội để tìm được việc làm.

4.2- Trong cùng một công việc, người lao động tay nghề thấp nguy cơ thất nghiệp nhiều hơn người có tay nghề cao hơn, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần đang hình thành và phát triển. Coi trọng đào tạo lại lực

lượng lao động là con đường tồn tại của các đơn vị kinh tế và cả của người lao động.

4.3- Bên cạnh yêu cầu phát triển các ngành nghề mới, các ngành nghề truyền thống thực tế cũng yêu cầu phát triển với uy mô rộng hơn, đa dạng hơn để khai thác tốt hơn khả năng kinh tế của mỗi vùng.

4.4- Đối tượng chủ yếu cần đào tạo, dạy nghề là các em mới bước vào tuổi lao động. Vì vậy, cần có sự giúp đỡ về định hướng nghề nghiệp cho tương lai của nhà trường, của gia đình và các tổ chức xã hội, cũng như sự đầu tư khuyến khích của Nhà nước đối với việc học nghề của các em.

Tóm lại: Nhất nghệ tinh - nhất thân vinh. Giỏi một nghề là có nhiều cơ hội để tìm được việc làm, đồng thời làm giảm đi nguy cơ thất nghiệp. Tăng cường công tác hướng nghiệp, dạy nghề, đặc biệt cho thanh niên là một điều kiện để giảm số người chưa có việc làm, tăng cơ hội giải quyết việc làm cho người lao động của mỗi địa phương. Vì vậy, trong tình hình hiện nay cần có những chủ trương và chính sách cụ thể để phát triển hơn nữa hệ thống hướng nghiệp và dạy nghề để không ngừng nâng chất lượng lực lượng lao động, trang bị nghề nghiệp cho thanh niên tương xứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hướng nghiệp và dạy nghề là một yêu cầu cần thiết trong chương trình giải quyết việc làm ở tỉnh ta.

PHẦN THỨ HAI

THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ HIỆN NAY Ở LÂM ĐỒNG

Hiện nay toàn tỉnh có 16 cơ sở hướng nghiệp và dạy nghề, trong đó hệ hướng nghiệp có 5 cơ sở, hệ chuyên nghiệp có 3 cơ sở và hệ dạy nghề có 8 cơ sở. Nhà nước quản lý là 12 cơ sở còn lại 4 cơ sở của tư nhân. Hàng năm bình quân đào tạo cho 7000 người gồm 30 ngành nghề với các loại hình đào tạo khác nhau.

1/ Hệ thống các trường chuyên nghiệp:

Trước đây trên địa bàn tỉnh có 3 trường trung học chuyên nghiệp, 1 trường cao đẳng và 1 trường đại học, nay đã được sắp xếp lại chỉ còn 3 trường. Hệ thống này được Nhà nước đầu tư tương đối cơ bản, hiện đang từng bước củng cố lại tổ chức, cải tiến chương trình và nội dung đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng với tình hình mới.

2/ Hệ thống hướng nghiệp:

Toàn tỉnh hiện nay có 5 trung tâm giáo dục kỹ thuật và hướng nghiệp do Sở Giáo dục quản lý trên địa bàn các huyện: Đà Lạt, Đức Trọng, Bảo Lộc, Lâm Hà, Di Linh. Các cơ sở này hoạt động với nhiệm vụ vừa hướng nghiệp vừa dạy nghề, hàng năm thu hút khoảng 2000 đến 3000 học sinh phổ thông theo học bao gồm các nghề điện tử tin học, may, thêu, mộc, dân dụng in lụa, đánh máy chữ, sửa chữa cơ khí...

- Phương thức hoạt động của hệ này là khuyến khích học sinh phổ thông tham gia học nghề. Học sinh tham gia học nghề theo chương trình phổ thông đạt tiêu chuẩn thì được cộng thêm 2 điểm khi thi tốt nghiệp phổ thông. Thế nhưng tỷ lệ số học sinh phổ thông theo học nghề đạt tỷ lệ rất thấp trong tổng số học sinh.

Chỉ có 40% học sinh PTH theo học nghề. Đây là vấn đề tương đối phức tạp, tâm lý nguyện vọng và ước mơ của học sinh trung học là sau khi tốt nghiệp phổ thông muốn thi vào các trường trung học và đại học chuyên nghiệp.

Qua điều tra 319 học sinh tại trường Thăng Long thì có 54 học sinh đang theo học nghề, đạt tỷ lệ 18%, 100% học sinh nguyện vọng muốn thi vào đại học và trung học, 30% số học sinh có nhu cầu học nghề nhưng chưa có điều kiện để theo học. Nguyên vọng ước mơ của tuổi trẻ là chính đáng nhưng thực tế không phải tất cả các em sau khi tốt nghiệp phổ thông đều thi vào đại học và trung học được cả. Trong các năm 1986 - 1992 bình quân có 1300 học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học chỉ có khoảng 200 em thi được vào các trường đại học và trung học, số còn lại đều phải bước vào đời và

mong kiếm được một chỗ làm việc để có kế sinh nhai. Lực lượng này nếu không được đào tạo nghề một cách nghiêm túc thì càng bổ sung vào đội quân thất nghiệp ngày một đông. Bên cạnh đó cơ sở vật chất của các cơ sở hướng nghiệp và dạy nghề còn nghèo nàn và thiếu thốn, mức độ đầu tư của Nhà nước không đáng kể. Trang bị cơ sở vật chất ban đầu cho mỗi cơ sở không ngoài 50 triệu đồng phần nào đó đã hạn chế đến nội dung và mục tiêu đào tạo của trung tâm.

Một vấn đề đặt ra trong những năm tới hệ thống hướng nghiệp cần quan tâm, giải quyết là số học sinh ở nông thôn chỉ muốn học hết cấp 2 là được. Vấn đề quan tâm của học sinh nông thôn hiện nay là vấn đề kinh tế, vấn đề thu nhập, bên cạnh đó cũng có tác động phần nào của bố mẹ gia đình các em. Với cách suy nghĩ theo kiểu nhà nông là chỉ cần sức khỏe, siêng năng và có kinh nghiệm thì cũng có thể làm nông nghiệp được. Nhưng ngược lại trong thời đại ngày nay khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển cùng với sự cạnh tranh của kinh tế thị trường nếu không biết kỹ thuật làm nông thì không thể nào trụ vững được. Vấn đề này được thể hiện khá rõ ở nông thôn miền Bắc. Hiện nay có hàng ngàn người ở các tỉnh phía Bắc với độ tuổi thanh niên đổ xô về Hà Nội để kiếm việc làm dù bất kỳ việc gì chỉ cần có thu nhập đủ nuôi sống bản thân và có phần trang trải cho gia đình là được. Đối với tỉnh ta thực trạng này chưa biểu hiện rõ nét nhưng qua điều tra trong độ tuổi 16-30 thì ở nông thôn tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hết 12 chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ có: 5,3% trong khi đó ở thành thị tỷ lệ này đạt tới 30,7%.

- Về chất lượng đào tạo: Theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đối với học sinh phổ thông trung học học theo chương trình 280 tiết, trong đó 2/3 là thời gian thực hành và học trong 5 kỳ học. Đi theo với chương trình giảng dạy là các trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy nghề. Nhưng thực tế ở 5 trung tâm hiện nay đang hoạt động, phải nói cơ sở vật chất kỹ thuật còn quá nghèo nàn thiếu thốn, phần nào đó đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Trường kỹ thuật Đà Lạt có thể nói là một trường ra đời và hoạt động sớm nhất và cũng được Nhà nước ưu tiên đầu tư trang thiết bị nhiều nhất nhưng đến nay cũng chỉ mới đáp ứng được 40% yêu cầu đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục. Do vậy mục đích học nghề của học sinh ở đây là được cộng thêm 2 điểm cho kỳ thi tốt nghiệp nhiều hơn là học nghề để thành nghề.

Bên cạnh đó, chương trình và nội dung đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hiện nay phần nào đó chưa phù hợp với tình hình thực tế. Cụ thể với chương trình 280 tiết thì không thể nào đáp ứng được yêu cầu đặt ra